

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2024

## THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

**Về việc: “Cung cấp dịch vụ quan trắc chất lượng môi trường nước cấp, nước mặt, nước thải, bùn thải, khí thải, đất, không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung năm 2025”**

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP tổ chức mời chào giá rộng rãi hạng mục “Cung cấp dịch vụ quan trắc chất lượng môi trường nước cấp, nước mặt, nước thải, bùn thải, khí thải, đất, không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung năm 2025”.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

### 1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

✓ **Yêu cầu đối với dịch vụ:**

Chi tiết theo phụ lục đính kèm

✓ **Yêu cầu đối với đơn vị cung cấp dịch vụ:**

- Đơn vị thực hiện có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên Môi trường cấp còn hiệu lực tối thiểu tới ngày 31/12/2025 (Cung cấp hồ sơ chứng minh).
- Đơn vị thực hiện có chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 do Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) hoặc Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng (AOSC) cấp còn hiệu lực tối thiểu tới ngày 31/12/2025 (Lĩnh vực công nhận: hoá/sinh). Trường hợp có sử dụng nhà thầu phụ yêu cầu liệt kê cụ thể và không được lớn hơn 10% tổng các thông số. (Cung cấp Hồ sơ chứng minh).
- Có kinh nghiệm trong hoạt động thử nghiệm, quan trắc môi trường ít nhất 5 năm tính từ thời điểm điểm đóng thầu. Có trụ sở chính hoặc chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và có Phòng thí nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh (Cung cấp hồ sơ chứng minh).
- Đơn vị cung cấp dịch vụ đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự

với tư cách là nhà thầu chính trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Hợp đồng tương tự về quy mô: Cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường nước cấp, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung (Cung cấp hợp đồng và hoá đơn để chứng minh)

✓ **Yêu cầu về nhân sự thực hiện:**

- Nhân sự lấy mẫu, quan trắc tại hiện trường: Số lượng tối thiểu 04 người. Yêu cầu: Có trình độ từ trung cấp trở lên tốt nghiệp một trong các chuyên ngành môi trường, hoá học, sinh học và kinh nghiệm ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (có hợp đồng lao động và bằng cấp để đối chiếu).
  - Nhân sự phân tích trong phòng thí nghiệm: Cam kết số lượng nhân sự phải đáp ứng yêu cầu các thông số nước cấp được phân tích trong vòng 02 - 04 giờ sau khi lấy mẫu.
  - Cam kết các thông số nước cấp (nước sạch- nước uống) phải được phân tích trong vòng 02 - 04 giờ sau khi lấy mẫu.
  - Cam kết nhân viên phải được đào tạo nghiệp vụ, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và an toàn lao động cho người thực hiện trực tiếp thực hiện.
  - Cam kết đảm bảo các thiết bị được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định trước khi ra hiện trường.
- ✓ Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu: Cam kết thực hiện theo phương pháp đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.
- ✓ Thời gian trả kết quả: Tối đa 20 ngày tính từ ngày đơn vị lấy mẫu. Cung cấp các kết quả bằng Tiếng Việt. Riêng kết quả chất lượng nước cấp (nước sạch- nước uống) cung cấp các kết quả bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh.
- ✓ Yêu cầu khác: Cam kết tuyệt đối chấp hành nghiêm tất cả các yêu cầu về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy trong quá trình làm việc tại Cảng. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trong bất cứ sự cố, tai nạn nào liên quan đến quá trình lấy mẫu, vận chuyển mẫu, bảo quản mẫu.
- ✓ **Yêu cầu về thời gian thực hiện và thanh toán:**
- Thời gian thực hiện: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2025, tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất.
  - Giá chào: đề nghị chào giá hàng hóa trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí,



thuế GTGT. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.

- Thanh toán: Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán. Điều kiện tạm ứng không chấp nhận > 20% giá trị hợp đồng.

✓ **Thành phần hồ sơ chào giá:** báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- Đơn chào hàng theo Mẫu 01;
- Biểu giá theo Mẫu 02a, 02b;
- Các nội dung cần thiết khác:
  - Giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực.

✓ **Thời hạn hiệu lực của hồ sơ chào giá:**

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 30 ngày kể từ ngày 27/12/2024.
- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu. Số lượng hồ sơ chào giá: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

## 2. Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:

- Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 27/12/2024.
- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:
  - o Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.114) - Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

## 3. Thông tin liên hệ:

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.114)
- Tel: 083.8485.383- Ext: 3528.
- Người liên hệ: Trần Thanh Cần.

## 4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP. *Chuu*

**Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư**



*Đặng Ngọc Cường*

# BIỂU MẪU

Mẫu số 01

## ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên hạng mục mua sắm: \_\_\_\_\_ [Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện hạng mục mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên hạng mục mua sắm] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.
5. Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá].

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02a

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá chào</b>
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
<b>Tổng cộng giá chào</b>		<b>(M) + (I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*



Mẫu số 02b

**BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (chưa VAT)	Thành tiền (chưa VAT) (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
	....					
n	Hàng hoá thứ n					Mn
<b>VAT 10%</b>						
<b>Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>						<b>M=M1+M2 +...+Mn</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## PHỤ LỤC

Các nội dung thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước cấp, nước mặt, nước thải, bùn thải, khí thải, đất, không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
<b>A. LẤY MẪU QUAN TRẮC THÁNG 3</b>			
<b>I/ NƯỚC CẤP</b>			
Vị trí 1: Hồ chứa nước thô (tại Central Plant) Vị trí 12: Nhà vệ sinh gate 1&2 Vị trí 13: Nhà vệ sinh sảnh tam giác Vị trí 14: Nhà vệ sinh gate 12&14			
1	Màu	Mẫu	4
2	Mùi, vị	Mẫu	4
3	Độ đục	Mẫu	4
4	Độ pH	Mẫu	4
5	Độ cứng (theo CaCO <sub>3</sub> )	Mẫu	4
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	4
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	Mẫu	4
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	4
9	Mangan (Mn)	Mẫu	4
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	4
11	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	4
12	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	Mẫu	4
13	Độ oxy hoá (Permanganate in)	Mẫu	4
14	E. Coli (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	4
15	Coliforms (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	4
Vị trí 2: Cầu dẫn khách số 18 Vị trí 3: Cầu dẫn khách số 17 Vị trí 4: Cầu dẫn khách số 16 Vị trí 5: Cầu dẫn khách số 15 Vị trí 6: Cầu dẫn khách số 14 Vị trí 7: Cầu dẫn khách số 13 Vị trí 8: Cầu dẫn khách số 12 Vị trí 9: Cầu dẫn khách số 11 Vị trí 10: Cầu dẫn khách số 10 Vị trí 11: Cầu dẫn khách số 09			
1	Màu	Mẫu	10
2	Mùi, vị	Mẫu	10
3	Độ đục	Mẫu	10
4	Độ pH	Mẫu	10
5	Độ cứng (theo CaCO <sub>3</sub> )	Mẫu	10
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	10
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	Mẫu	10
8	Sắt (Fe)	Mẫu	10
9	Mangan (Mn)	Mẫu	10

10	Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ )	Mẫu	10
11	Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ )	Mẫu	10
12	Sunphat ( $\text{SO}_4^{2-}$ )	Mẫu	10
13	Độ oxy hoá (Permanganate in)	Mẫu	10
14	Độ dẫn điện	Mẫu	10
15	Clor dư (Phân tích trong vòng 2-3 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
16	TSVSV hiếu khí ở 22 độ C (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
17	TSVSV hiếu khí ở 37 độ C (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
18	E. Coli (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
19	Coliforms (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
20	Liên cầu phân (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
21	Pseudomonas aeruginosa (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
22	Bào tử VK kỵ khí sinh $\text{H}_2\text{S}$ (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
Phí phụ thu (dịch sang tiếng anh)		Trọn bộ	1
<b>II/ NƯỚC THẢI</b>			
Vị trí 1: Nước thải đầu vào của hệ thống XLNT - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 2: Nước thải đầu ra của hệ thống XLNT - Cảng HKQT TSN			
1	pH	Mẫu	2
2	TSS	Mẫu	2
3	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2
4	TDS	Mẫu	2
5	Sunfua	Mẫu	2
6	$\text{NH}_4^+$	Mẫu	2
7	$\text{NO}_3^-$	Mẫu	2
8	$\text{PO}_4^{3-}$	Mẫu	2
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	2
10	Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	2
11	Coliforms	Mẫu	2
12	Tổng N	Mẫu	1
13	Tổng P	Mẫu	1
14	Clorua	Mẫu	1
<b>III/ KHÍ THẢI</b>			
Vị trí 1: Khí thải tại ống khói máy phát điện dự phòng số 01 ga Quốc tế- khu vực Central Plant - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 2: Khí thải tại ống khói máy phát điện dự phòng số 04 ga Quốc tế- khu vực Central Plant - Cảng HKQT TSN			
1	$\text{NO}_x$	Mẫu	2
2	$\text{SO}_2$	Mẫu	



3	CO <sub>2</sub>	Mẫu	
4	CO	Mẫu	
5	Bụi	Mẫu	2
<b>Vị trí 3: Mùi hôi khu hệ thống xử lý nước thải nhà ga</b>			
1	H <sub>2</sub> S	Mẫu	1
2	NH <sub>3</sub>	Mẫu	1
<b>IV/ Bùn Thải</b>			
<b>Vị trí 1: Bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải nhà ga - Cảng HKQT TSN</b>			
1	Arsen	Mẫu	9
2	Bari	Mẫu	9
3	Bạc	Mẫu	9
4	Cadimi	Mẫu	9
5	Chì	Mẫu	9
6	Cobalt	Mẫu	9
7	Kẽm	Mẫu	9
8	Nikel	Mẫu	9
9	Selen	Mẫu	9
10	Thủy ngân	Mẫu	9
11	Crom VI	Mẫu	9
12	Tổng dầu	Mẫu	9
13	Phenol	Mẫu	9
14	Benzene	Mẫu	9
15	Cyanua	Mẫu	9
16	pH	Mẫu	9
<b>V/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU</b>			
Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu		Lần	3
Phí vận chuyển		Lần	3
<b>B. LẤY MẪU QUAN TRẮC THÁNG 6</b>			
<b>I/ NƯỚC CẤP</b>			
Vị trí 1: Hồ chứa nước thô (tại Central Plant) Vị trí 12: Nhà vệ sinh gate 1&2 Vị trí 13: Nhà vệ sinh sảnh tam giác Vị trí 14: Nhà vệ sinh gate 12&14			
1	Màu	Mẫu	4
2	Mùi, vị	Mẫu	4
3	Độ đục	Mẫu	4
4	Độ pH	Mẫu	4
5	Độ cứng (theo CaCO <sub>3</sub> )	Mẫu	4
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	4
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	Mẫu	4
8	Sắt (Fe)	Mẫu	4
9	Mangan (Mn)	Mẫu	4
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	4
11	Nitrit (NO <sub>2</sub> )	Mẫu	4
12	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	Mẫu	4
13	Độ oxy hoá (Permanganate in)	Mẫu	4

14	E. Coli (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	4
15	Coliforms (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	4
Vị trí 2: Cầu dẫn khách số 18 Vị trí 3: Cầu dẫn khách số 17 Vị trí 4: Cầu dẫn khách số 16 Vị trí 5: Cầu dẫn khách số 15 Vị trí 6: Cầu dẫn khách số 14 Vị trí 7: Cầu dẫn khách số 13 Vị trí 8: Cầu dẫn khách số 12 Vị trí 9: Cầu dẫn khách số 11 Vị trí 10: Cầu dẫn khách số 10 Vị trí 11: Cầu dẫn khách số 09			
1	Màu	Mẫu	10
2	Mùi, vị	Mẫu	10
3	Độ đục	Mẫu	10
4	Độ pH	Mẫu	10
5	Độ cứng (theo CaCO <sub>3</sub> )	Mẫu	10
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	10
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	Mẫu	10
8	Sắt (Fe)	Mẫu	10
9	Mangan (Mn)	Mẫu	10
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	10
11	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	10
12	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	Mẫu	10
13	Độ oxy hoá (Permanganate in)	Mẫu	10
14	Độ dẫn điện	Mẫu	10
15	Clo dư (Phân tích trong vòng 2-3 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
16	TSVSV hiếu khí ở 22 độ C (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
17	TSVSV hiếu khí ở 37 độ C (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
18	E. Coli (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
19	Coliforms (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
20	Liên cầu phân (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
21	Pseudomonas aeruginosa (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
22	Bào tử VK kỵ khí sinh H <sub>2</sub> S (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
Phí phụ thu (dịch sang tiếng anh)		Trọn bộ	1
<b>II/ NƯỚC THẢI</b>			



Vị trí 1: Tại hồ thu nước thải số 1 ga Quốc nội- Cảng HKQT TSN Vị trí 2: Tại hồ thu nước thải số 2 ga Quốc nội - Cảng HKQT TSN Vị trí 3: Tại hồ thu nước thải số 3 ga Quốc nội - Cảng HKQT TSN Vị trí 4: Tại hồ thu nước thải số 4 ga Quốc nội - Cảng HKQT TSN Vị trí 5: Tại hồ thu nước thải A ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 6: Tại hồ thu nước thải B ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 7: Tại hồ thu nước thải C ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 8: Tại hồ thu nước thải D ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 9: Tại hồ thu nước thải E ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 10: Tại hồ thu nước thải của nhà để xe TCP- Công ty TCP Vị trí 11: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải - Cảng HKQT TSN. Vị trí 12: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải - Cảng HKQT TSN Vị trí 13: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải - Toà nhà ACV. Vị trí 14: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải - Toà nhà ACV			
1	pH	Mẫu	4
2	TSS	Mẫu	14
3	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	14
4	TDS	Mẫu	4
5	Sunfua	Mẫu	4
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	Mẫu	14
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Mẫu	4
8	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Mẫu	4
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	4
10	Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	4
11	Coliforms	Mẫu	4
13	Tổng N	Mẫu	1
14	Tổng P	Mẫu	1
15	Clorua	Mẫu	1
<b>III/ KHÍ THẢI <sup>(s/c)</sup></b>			
Vị trí 1: Khí thải tại ống khói máy phát điện- Toà nhà ACV Vị trí 2: Khí thải tại ống khói máy phát điện số 01 ga Quốc tế- khu vực Central Plant - Cảng HKQT TSN Vị trí 3: Khí thải tại ống khói máy phát điện số 04 ga Quốc tế- khu vực Central Plant - Cảng HKQT TSN			
1	NO <sub>x</sub>	Mẫu	3
2	SO <sub>2</sub>	Mẫu	
3	CO <sub>2</sub>	Mẫu	
4	CO	Mẫu	
5	Bụi	Mẫu	3
Vị trí 4: Mùi hôi khu hệ thống xử lý nước thải nhà ga			
1	H <sub>2</sub> S	Mẫu	1
2	NH <sub>3</sub>	Mẫu	1
<b>IV/ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG</b>			
Vị trí 1: Sát nhà dân cách máy phát điện 8m- Toà nhà ACV Vị trí 2: Khu vực đài K1-25L (tiếp giáp khu dân cư với đường CHC) - Cảng HKQT TSN Vị trí 3: Khu vực cổng 8 (Khu vực đậu xe) - Cảng HKQT TSN Vị trí 4: Cổng vào khu vực xử lý nước thải - Cảng HKQT TSN Vị trí 5: Khu vực nhà ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 6: Khu vực đài kiểm soát không lưu - Cảng HKQT TSN Vị trí 7: Cổng vào ga Quốc tế (giáp hồ điều tiết) - Cảng HKQT TSN			
1	Độ rung (vận tốc rung, gia tốc rung, biên độ rung)	Mẫu	7
2	Tiếng ồn (Leq, Lmax)	Mẫu	7

<b>V/ KHÔNG KHÍ XUNG QUANH</b>			
Vị trí 1: Khu vực công 8 (Khu vực đậu xe) - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 2: Công vào khu vực xử lý nước thải - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 3: Khu vực nhà ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 4: Khu vực đài kiểm soát không lưu - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 5: Công vào ga Quốc tế (giáp hồ điều tiết) - Cảng HKQT TSN			
1	Bụi tổng số (TSP)	Mẫu	5
2	SO <sub>2</sub>	Mẫu	5
3	NO <sub>2</sub>	Mẫu	5
4	CO	Mẫu	5
<b>VI/ MẪU NƯỚC MẶT</b>			
Vị trí: Mẫu nước mặt tại kênh Nhật Bản			
1	pH	Mẫu	1
2	DO	Mẫu	1
3	TSS	Mẫu	1
4	BOD5	Mẫu	1
5	COD	Mẫu	1
6	Ammonia (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	1
7	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Mẫu	1
8	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Mẫu	1
9	Tổng Sắt	Mẫu	1
10	As	Mẫu	1
11	Cd	Mẫu	1
12	Cr	Mẫu	1
13	Zn	Mẫu	1
14	Hg	Mẫu	1
15	Tổng dầu	Mẫu	1
16	Coliform	Mẫu	1
<b>VII/ MẪU ĐẤT</b>			
Vị trí 1: Mẫu đất tại khu vực gần bể lưu chứa nước thải tạm thời			
Vị trí 2: Mẫu đất tại khu vực sửa chữa máy bay			
1	As	Mẫu	2
2	Cd	Mẫu	2
3	Pb	Mẫu	2
4	Cu	Mẫu	2
5	Zn	Mẫu	2
<b>VIII/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU</b>			
Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu		Lần	2
Phí vận chuyển		Lần	2
<b>C. LẤY MẪU QUAN TRẮC THÁNG 9</b>			
<b>I/ NƯỚC CẤP</b>			
Vị trí 1: Hồ chứa nước thô (tại Central Plant)			
Vị trí 12: Nhà vệ sinh gate 1&2			
Vị trí 13: Nhà vệ sinh sảnh tam giác			
Vị trí 14: Nhà vệ sinh gate 12&14			
1	Màu	Mẫu	4
2	Mùi, vị	Mẫu	4
3	Độ đục	Mẫu	4
4	Độ pH	Mẫu	4
5	Độ cứng (theo CaCO <sub>3</sub> )	Mẫu	4



6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	4
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	Mẫu	4
8	Sắt (Fe)	Mẫu	4
9	Mangan (Mn)	Mẫu	4
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	4
11	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	4
12	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	Mẫu	4
13	Độ oxy hoá (Permanganate in)	Mẫu	4
14	E. Coli (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	4
15	Coliforms (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	4

Vị trí 2: Cầu dẫn khách số 18  
 Vị trí 3: Cầu dẫn khách số 17  
 Vị trí 4: Cầu dẫn khách số 16  
 Vị trí 5: Cầu dẫn khách số 15  
 Vị trí 6: Cầu dẫn khách số 14  
 Vị trí 7: Cầu dẫn khách số 13  
 Vị trí 8: Cầu dẫn khách số 12  
 Vị trí 9: Cầu dẫn khách số 11  
 Vị trí 10: Cầu dẫn khách số 10  
 Vị trí 11: Cầu dẫn khách số 09

1	Màu	Mẫu	10
2	Mùi, vị	Mẫu	10
3	Độ đục	Mẫu	10
4	Độ pH	Mẫu	10
5	Độ cứng (theo CaCO <sub>3</sub> )	Mẫu	10
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	10
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	Mẫu	10
8	Sắt (Fe)	Mẫu	10
9	Mangan (Mn)	Mẫu	10
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	10
11	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	10
12	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	Mẫu	10
13	Độ oxy hoá (Permanganate in)	Mẫu	10
14	Độ dẫn điện	Mẫu	10
15	Clo dư (Phân tích trong vòng 2-3 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
16	TSVSV hiếu khí ở 22 độ C (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
17	TSVSV hiếu khí ở 37 độ C (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
18	E. Coli (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
19	Coliforms (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
20	Liên cầu phân (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10

21	Pseudomonas aeruginosa (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
22	Bào tử VK kỵ khí sinh H <sub>2</sub> S (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
Phí phụ thu (dịch sang tiếng anh)		Trọn bộ	1
<b>II/ NƯỚC THẢI</b>			
Vị trí 1: Nước thải đầu vào của hệ thống XLNT - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 2: Nước thải đầu ra của hệ thống XLNT - Cảng HKQT TSN			
1	pH	Mẫu	2
2	TSS	Mẫu	2
3	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	2
4	TDS	Mẫu	2
5	Sunfua	Mẫu	2
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	Mẫu	2
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Mẫu	2
8	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Mẫu	2
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	2
10	Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	2
11	Coliforms	Mẫu	2
13	Tổng N	Mẫu	1
14	Tổng P	Mẫu	1
15	Clorua	Mẫu	1
<b>III/ KHÍ THẢI</b>			
Vị trí 1: Khí thải tại ống khói máy phát điện dự phòng số 01 ga Quốc tế- khu vực Central Plant - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 2: Khí thải tại ống khói máy phát điện dự phòng số 04 ga Quốc tế- khu vực Central Plant - Cảng HKQT TSN			
1	NO <sub>x</sub>	Mẫu	2
2	SO <sub>2</sub>	Mẫu	
3	CO <sub>2</sub>	Mẫu	
4	CO	Mẫu	
5	Bụi	Mẫu	2
Vị trí 3: Mùi hôi khu hệ thống xử lý nước thải nhà ga			
1	H <sub>2</sub> S	Mẫu	1
2	NH <sub>3</sub>	Mẫu	1
<b>IV/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU</b>			
Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu		Lần	2
Phí vận chuyển		Lần	2
<b>D. LẤY MẪU QUAN TRẮC THÁNG 12</b>			
<b>I/ NƯỚC CẤP</b>			
Vị trí 1: Hồ chứa nước thô (tại Central Plant)			
Vị trí 12: Nhà vệ sinh gate 1&2			
Vị trí 13: Nhà vệ sinh sảnh tam giác			
Vị trí 14: Nhà vệ sinh gate 12&14			
1	Màu	Mẫu	4
2	Mùi, vị	Mẫu	4
3	Độ đục	Mẫu	4
4	Độ pH	Mẫu	4
5	Độ cứng (theo CaCO <sub>3</sub> )	Mẫu	4



6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	4
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	Mẫu	4
8	Sắt (Fe)	Mẫu	4
9	Mangan (Mn)	Mẫu	4
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	4
11	Nitrit (NO <sub>2</sub> )	Mẫu	4
12	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	Mẫu	4
13	Độ oxy hoá (Permanganate in)	Mẫu	4
14	E. Coli (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	4
15	Coliforms (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	4
Vị trí 2: Cầu dẫn khách số 18 Vị trí 3: Cầu dẫn khách số 17 Vị trí 4: Cầu dẫn khách số 16 Vị trí 5: Cầu dẫn khách số 15 Vị trí 6: Cầu dẫn khách số 14 Vị trí 7: Cầu dẫn khách số 13 Vị trí 8: Cầu dẫn khách số 12 Vị trí 9: Cầu dẫn khách số 11 Vị trí 10: Cầu dẫn khách số 10 Vị trí 11: Cầu dẫn khách số 09			
1	Màu	Mẫu	10
2	Mùi, vị	Mẫu	10
3	Độ đục	Mẫu	10
4	Độ pH	Mẫu	10
5	Độ cứng (theo CaCO <sub>3</sub> )	Mẫu	10
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	10
7	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	Mẫu	10
8	Sắt (Fe)	Mẫu	10
9	Mangan (Mn)	Mẫu	10
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	10
11	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	Mẫu	10
12	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	Mẫu	10
13	Độ oxy hoá (Permanganate in)	Mẫu	10
14	Độ dẫn điện	Mẫu	10
15	Clo dư (Phân tích trong vòng 2-3 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
16	TSVSV hiếu khí ở 22 độ C (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
17	TSVSV hiếu khí ở 37 độ C (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
18	E. Coli (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
19	Coliforms (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
20	Liên cầu phân (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10

21	Pseudomonas aeruginosa (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
22	Bào tử VK kỵ khí sinh H <sub>2</sub> S (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
Phí phụ thu (dịch sang tiếng anh)		Trọn bộ	1
<b>II/ NƯỚC THẢI</b>			
Vị trí 1: Tại hồ thu nước thải số 1 ga Quốc nội- Cảng HKQT TSN Vị trí 2: Tại hồ thu nước thải số 2 ga Quốc nội - Cảng HKQT TSN Vị trí 3: Tại hồ thu nước thải số 3 ga Quốc nội - Cảng HKQT TSN Vị trí 4: Tại hồ thu nước thải số 4 ga Quốc nội - Cảng HKQT TSN Vị trí 5: Tại hồ thu nước thải A ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN vị trí 6: Tại hồ thu nước thải B ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 7: Tại hồ thu nước thải C ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 8: Tại hồ thu nước thải D ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 9: Tại hồ thu nước thải E ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN Vị trí 10: Tại hồ thu nước thải của nhà để xe TCP- Công ty TCP Vi trí 11: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải - Cảng HKQT TSN Vị trí 12: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải - Cảng HKQT TSN Vi trí 13: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải - Toà nhà ACV Vị trí 14: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải - Toà nhà ACV			
1	pH	Mẫu	4
2	TSS	Mẫu	14
3	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	14
4	TDS	Mẫu	4
5	Sunfua	Mẫu	4
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	Mẫu	14
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Mẫu	4
8	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Mẫu	4
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	4
10	Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	4
11	Coliforms	Mẫu	4
13	Tổng N	Mẫu	1
14	Tổng P	Mẫu	1
15	Clorua	Mẫu	1
<b>III/ KHÍ THẢI</b>			
Vị trí 1: Khí thải tại ống khói máy phát điện- Toà nhà ACV Vị trí 2: Khí thải tại ống khói máy phát điện dự phòng số 01 ga Quốc tế- khu vực Central Plant - Cảng HKQT TSN Vị trí 3: Khí thải tại ống khói máy phát điện dự phòng số 04 ga Quốc tế- khu vực Central Plant - Cảng HKQT TSN			
1	NO <sub>x</sub>	Mẫu	3
2	SO <sub>2</sub>	Mẫu	
3	CO <sub>2</sub>	Mẫu	
4	CO	Mẫu	
5	Bụi	Mẫu	3
Vị trí 4: Mùi hôi khu hệ thống xử lý nước thải nhà ga			
1	H <sub>2</sub> S	Mẫu	1
2	NH <sub>3</sub>	Mẫu	1
<b>IV/ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG</b>			



Vị trí 1: Sát nhà dân cách máy phát điện 8m- Toà nhà ACV			
Vị trí 2: Khu vực đài K1-25L (tiếp giáp khu dân cư với đường CHC) - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 3: Khu vực công 8 (Khu vực đậu xe) - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 4: Cổng vào khu vực xử lý nước thải - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 5: Khu vực nhà ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 6: Khu vực đài kiểm soát không lưu - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 7: Cổng vào ga Quốc tế (giáp hồ điều tiết) - Cảng HKQT TSN			
1	Độ rung (vận tốc rung, gia tốc rung, biên độ rung)	Mẫu	7
2	Tiếng ồn (Leq, Lmax)	Mẫu	7
<b>V/ KHÔNG KHÍ XUNG QUANH</b>			
Vị trí 1: Khu vực công 8 (Khu vực đậu xe) - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 2: Cổng vào khu vực xử lý nước thải - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 3: Khu vực nhà ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 4: Khu vực đài kiểm soát không lưu - Cảng HKQT TSN			
Vị trí 5: Cổng vào ga Quốc tế (giáp hồ điều tiết) - Cảng HKQT TSN			
1	Bụi tổng số (TSP)	Mẫu	5
2	SO <sub>2</sub>	Mẫu	5
3	NO <sub>2</sub>	Mẫu	5
4	CO	Mẫu	5
<b>VI/ MẪU NƯỚC MẶT</b>			
Vị trí: Mẫu nước mặt tại kênh Nhật Bản.			
1	pH	Mẫu	1
2	DO	Mẫu	1
3	TSS	Mẫu	1
4	BOD5	Mẫu	1
5	COD	Mẫu	1
6	Ammonia (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	1
7	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Mẫu	1
8	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Mẫu	1
9	Tổng Sắt	Mẫu	1
10	As	Mẫu	1
11	Cd	Mẫu	1
12	Cr	Mẫu	1
13	Zn	Mẫu	1
14	Hg	Mẫu	1
15	Tổng dầu	Mẫu	1
16	Coliform	Mẫu	1
<b>VII/ MẪU ĐẤT</b>			
Vị trí 1: Mẫu đất tại khu vực gần bể lưu chứa nước thải tạm thời			
Vị trí 2: Mẫu đất tại khu vực sửa chữa máy bay			
1	As	Mẫu	2
2	Cd	Mẫu	2
3	Pb	Mẫu	2
4	Cu	Mẫu	2
5	Zn	Mẫu	2
<b>VIII/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU</b>			
Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu		Lần	2
Phí vận chuyển		Lần	2
<b>E. CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM MẪU NƯỚC THẢI HÀNG THÁNG</b>			

<b>I/ PHÍ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ GA</b>			
1	Ammonia (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Mẫu	6
2	Nito Tổng	Mẫu	6
<b>II/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU</b>			
	Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu	Lần	6
	Phí vận chuyển	Lần	6
<b>F. CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>			
1	Chi phí dự phòng trường hợp lấy mẫu quan trắc trong tháng 3, 6, 9, 12 có thông số nào không đạt thì phải thực hiện lấy mẫu lần hai: 2% tổng chi phí năm 2025	Năm	1

### **GHI CHÚ:**

- Đối với cả các chỉ số vi sinh và clo dư trong nước cấp phải được phân tích trong vòng 2-4 giờ sau khi lấy mẫu.
- Chi phí dự phòng năm 2025: 2%. Trong trường hợp lấy mẫu quan trắc trong tháng 3, tháng 6, tháng 9 hoặc tháng 12 có thông số nào không đạt thì phải thực hiện lấy mẫu lần 2 (sau khi đã ra soát, hiệu chỉnh lại hệ thống vận hành).
- Phí phụ thu: Phí dịch các kết quả sang tiếng anh.

. . . . .